

— Tán phosphore trắng, đốt diêm sinh dễ khử trùng;

- Nấu và sử dụng hắc ín, nhựa rải đường;
- Sơn các loại có hắc ín;
- Sơn phòng mục;
- Trực tiếp làm than luyện;
- Thường xuyên rót xăng có chất chì vào các thùng chứa xăng;
- Sửa chữa các bể hay các thùng chứa (citerne) xăng dầu;

- Pha chế nhựa có chất benzène;
- Gạt bóng ở hầm bóng (máy dẹt Nam định)

3. Công việc dễ bị nhiễm trùng hay nhiễm độc về các chất hơi hôi thối:

- Đổ thùng phân;
- Hót rác, nạo vét cống rãnh ở đường phố;
- Làm phân ở các nông trường và các trại chăn nuôi;
- Cọ rửa bề thuộc da;
- Nạo da ở nhà máy thuộc da.

B. Công việc phải thường xuyên tiến hành trong những điều kiện vật lý không bình thường như khí ép cao, nóng quá hoặc lạnh quá, làm việc trong buồng tối, làm ở nơi có nhiều tiếng động mạnh liên tiếp, sử dụng máy làm rung chuyển cơ thể, làm việc trong điều kiện khó khăn nặng nhọc đặc biệt:

a) Sức ép không khí cao:

- Lặn sâu từ 5 mét trở xuống;
- Làm trong các giếng chìm;
- Làm mở cầu dưới mặt nước.

b) Làm việc ở nơi thường xuyên nóng quá hoặc lạnh quá:

- Xếp hay dỡ nguyên nhiên liệu và thành phẩm ở các lò nung khi lò còn quá nóng;
- Công nhân sửa chữa trong các lò nung;
- Sửa chữa hay chăm dầu các bộ galet lò nung;
- Luyện kim: nấu, chọc cửa lò, chọc xỉ lò, khiêng nước kim loại đổ vào khuôn, đổ nguyên liệu vào lò cao;
- Đốt lò nồi hơi ở tàu thủy (chạy bằng than đá);
- Thợ máy tàu thủy;
- Sửa chữa các đầu máy nóng, tháo ống lửa, hộp khói khi nồi hơi còn nóng.
- Làm ở các buồng sấy gỗ (dỡ hay xếp gỗ khi buồng sấy đang nóng).
- Làm trong các phòng lạnh.

c) Làm việc thường xuyên trong buồng tối:

- Công nhân rửa phim ảnh;

d) Thường xuyên làm việc ở nơi có nhiều tiếng động liên tiếp quá mạnh làm đình tai nhức óc, hoặc rung chuyển có hại đến cơ thể:

— Trực tiếp sử dụng máy khoan than, khoan đá (khoan cầm tay).

— Điều khiển máy đập đá, nghiền đá, điều khiển máy quả gang ở nhà máy xi măng.

— Tán ri-vê, gõ gi, tày ba-vuya bằng hơi ép.

e) Làm việc trong điều kiện khó khăn nặng nhọc đặc biệt, chịu những thiếu thốn về sinh hoạt tinh thần và vật chất hoặc phải gắng sức quá nhiều:

- Thổi thủy tinh;
- Thăm dò mỏ;
- Điều tra rừng;
- Khảo sát và trắc địa để mở những tuyến đường mới;
- Công nhân khai thác gỗ trong rừng;
- Phá thác;
- Thường xuyên phải ngâm mình dưới nước;
- Gạt than (sáng tây) ở dưới hầm tàu;
- Lái và phụ lái máy xúc, xe vận tải lớn ở các mỏ từ 14 tấn trở lên (xe bò tót, xe gấu, xe tatra)
- Lái và phụ lái các máy cày chạy bằng xích;
- Điều khiển các máy gạt đất ở các công trường;
- Mặc và sửa chữa đường dây điện ở ngoài đường;
- Lái cần trục ở phân xưởng đúc.

BỘ NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 32-NV/CB ngày 9-6-1960
về việc thanh toán bằng tiền cho cán bộ, công nhân viên được cử đi học chưa nghỉ hàng năm.

Kính gửi: Các ông Bộ trưởng các Bộ,
Các ông Thủ trưởng các Ủy ban,
Các Ban, các Cơ quan, Đoàn thể trung ương,
Các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh.

Gần đây một số Cơ quan trung ương và địa phương phản ánh những thắc mắc của cán bộ, công nhân, nhân viên được cử đi học các trường đại học, chuyên nghiệp trung cấp, bổ túc công nông, v.v... không được thanh toán bằng tiền trong trường hợp chưa nghỉ hàng năm.

Sau khi trao đổi thống nhất ý kiến với Bộ Lao động, Bộ quy định cách giải quyết như sau:

1. Cán bộ, công nhân, nhân viên được cử đi học các trường như đã nói trên, sau ngày ban hành nghị

định số 28-TTg ngày 28-1-1959 của Thủ tướng phủ, đã đủ điều kiện được hưởng chế độ nghỉ hàng năm như đã quy định tại thông tư giải thích số 14-TT/LB ngày 23-3-1959 của Liên bộ Nội vụ — Lao động mà trước khi đi học chưa được nghỉ hàng năm và ngay trong năm 1959 chưa được hưởng chế độ nghỉ hè hay nghỉ hết niên khóa của nhà trường thì được thanh toán bằng tiền theo thể lệ hiện hành về những ngày chưa được nghỉ.

2. Các trường hợp được cử đi học trước ngày ban hành chế độ nghỉ hàng năm và những người tự ý đi học, đều nhất loạt không được thanh toán.

3. Kể từ ngày nhập học trở đi, anh chị em được hưởng chế độ nghỉ hè, nghỉ hết niên khóa, v.v... do nhà trường đã quy định, không nằm trong diện thi hành chế độ nghỉ hàng năm như những người đang công tác và sản xuất.

4. Việc xét thanh toán và kinh phí cấp phát sẽ do cơ quan đơn vị cũ quản lý người cán bộ, công nhân, nhân viên ấy đảm nhận.

Hà nội, ngày 9 tháng 6 năm 1960

Bộ trưởng Bộ Nội vụ
PHAN KẾ TOẠI

BỘ Y TẾ

THÔNG TƯ số 09-BYT/TT ngày 1-6-1960
hướng dẫn thi hành việc khám xét cho
cán bộ, công nhân, viên chức thôi việc
vì ốm đau, già, yếu mất sức lao động.

Kính gửi: Các Bộ, các Cơ quan, Đoàn thể
trung ương,

Các Ủy ban hành chính khu, tỉnh,
thành phố,

Các Khu, Sở, Ty Y tế,

Các Hội đồng Giám định y khoa
trung ương, khu, tỉnh, thành phố.

Đề thi hành thông tư số 13-TTg ngày 7-1-1960 của Thủ tướng phủ, sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ Nội vụ và Bộ Lao động, Bộ đề ra một số tiêu chuẩn về mất sức lao động để các Hội đồng Giám định y khoa trung ương và địa phương khi khám xét cho cán bộ, công nhân, viên chức ốm đau, già, yếu, cần thôi việc vì mất sức lao động, dựa vào để tiến hành công tác được dễ dàng.

I. TIÊU CHUẨN MẤT SỨC LAO ĐỘNG

(bản phân loại mất sức lao động kèm theo)

II. VẬN DỤNG TIÊU CHUẨN

Khi vận dụng tiêu chuẩn cần phải:

1. Căn cứ vào:

— Bệnh do khả năng y học của ta hiện nay chưa giải quyết được.

— Bệnh mà y học giải quyết được nhưng khả năng lao động mất trên 60% (hay còn dưới 60%).

— Tình hình sức khỏe chung suy yếu (bệnh mãn tính, già, yếu, suy nhược).

— Dựa vào trình độ mất sức lao động do các tàn tích, nguyên nhân bệnh tật tạm thời hay vĩnh viễn, và dựa vào nghề nghiệp (lao động trí óc hay chân tay) mà quy định hai loại: A và B.

A. Mất sức lao động trên 60% thì:

Cần ra ngoài biên chế (trừ lao và hủi đã có quy chế riêng).

Cần di an dưỡng

B. Mất sức lao động dưới 60% thì:

Còn đảm bảo công tác ngày 4 giờ trong thời gian 3, 4 tháng sau khi mới điều trị khỏi.

Lao động nhẹ được, công tác tĩnh tại được.

2. Cần kết hợp với cơ quan có cán bộ để biết rõ thực trạng sức khỏe của cán bộ, công nhân, viên chức đó ở cơ quan (phải có bệnh án của đương sự báo cáo và nhận xét tình hình tư tưởng, tình hình lao động của cán bộ trong thời gian qua ở cơ quan).

Khi Hội đồng khám xét xong cần phải ghi rõ bệnh án, có giấy chẩn đoán điện quang (đối với bệnh có chẩn đoán điện quang) kèm theo ý kiến đề nghị loại A hay B theo tiêu chuẩn đã quy định và gửi thẳng cho cơ quan đương sự (không giao cho đương sự).

Thông tư này giúp cho sự quyết định của các cơ quan có thẩm quyền được dễ dàng nhưng khi vận dụng tiêu chuẩn cần phải linh hoạt không máy móc mà vẫn không ảnh hưởng đến việc đảm bảo chính sách.

Trong khi vận dụng tiêu chuẩn có khó khăn, trở ngại gì các Hội đồng Giám định y khoa báo cáo ngay cho Bộ biết.

Hà-nội, ngày 1 tháng 6 năm 1960

Bộ trưởng Bộ Y tế

Bác sĩ PHẠM NGỌC THẠCH